

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG HÀ GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG HÀ GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110326808

3. Ngày thành lập: 19/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô đất 293 Khu vườn hoa tái định cư, Thôn 3, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0396581162

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: -Đại lý mua, bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên); Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột ;Bán buôn thực phẩm khô	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
29.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập);	9000
30.	Lập trình máy vi tính	6201
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin Không bao gồm hoạt động báo chí	6312
34.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn thuế, tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật)	6619
35.	Quảng cáo	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
38.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Hoạt động quay phim, chụp ảnh (Không bao gồm sản xuất phim).	7420
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
47.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
48.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
50.	In ấn Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ in	1811
51.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
52.	Sao chép bản ghi các loại	1820
53.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
54.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
55.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4789
58.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải trừ hoạt động vận tải hàng hóa hàng không	5229
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
64.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
65.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
66.	Xuất bản phần mềm Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm	5820
67.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
68.	Hoạt động hậu kỳ	5912
69.	Hoạt động chiếu phim (Không bao gồm sản xuất phim)	5914
70.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke).	5920

71.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
72.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
75.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
80.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
81.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
82.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
83.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
84.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
85.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
86.	Thu gom rác thải độc hại	3812
87.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
88.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
89.	Tái chế phế liệu	3830
90.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
94.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
95.	Xây dựng công trình thủy	4291
96.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
97.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
98.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
101.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025693101

Địa chỉ thường trú: 94-98 P606 Trần Tuấn Khải, Phường 05, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô đất 293 Khu vườn hoa tái định cư, Thôn 3, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 18/08/1965 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025693101

Địa chỉ thường trú: 94-98 P606 Trần Tuấn Khải, Phường 05, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô đất 293 Khu vườn hoa tái định cư, Thôn 3, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội